

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 159/2023/DS-PT

Ngày 19 - 4 - 2023

V/v: “*Tranh chấp biên hội*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Sâm.

Các thẩm phán:

1. Ông Văn Công Dân.

2. Ông Hoàng Kim Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Chi – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 50/2023/DS – PT ngày 20/02/2023 về việc: “*Tranh chấp biên hội*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm 33/2022/DS-ST ngày 24/11/2022 của Tòa án nhân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 72/2023/QĐ-PT ngày 14 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2023/QĐ-PT giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H; địa chỉ: T8, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin vắng mặt;

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Kim T; địa chỉ: T5, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Phan Ngọc N. Luật sư, văn phòng luật sư TN, đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk, địa chỉ: Số 75 đường A, T1, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt)

- Người kháng nghị: Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày:

Do bạn bè quen biết tin tưởng với nhau nên tôi và bà Lê Thị Kim T có cùng chơi biêu với nhau, bà Lê Thị Kim T là người cầm cái chơi biêu, tôi có bỏ tiền ra chơi các đợt như sau:

+ Ngày 10/02/2022 âm lịch (tức ngày 12/3/2022 dương lịch), tôi đóng hụi với bà T số tiền 144.000.000 đồng (lần 1 với số tiền 84.000.000 đồng + lần 2 với số tiền 60.000.000 đồng);

+ Ngày 04/4/2022 âm lịch (tức ngày 03/5/2022 dương lịch), tôi đóng hụi với bà T số tiền 66.000.000 đồng (lần 1 với số tiền 26.000.000 đồng + lần 2 với số tiền 40.000.000 đồng);

+ Ngày 04/5/2022 âm lịch (tức ngày 02/6/2022 dương lịch), tôi đóng hụi với bà T số tiền 42.000.000 đồng (lần 1 với số tiền 20.000.000 đồng + lần 2 với số tiền 22.000.000 đồng);

+ Ngày 10/6/2022 âm lịch (tức ngày 08/7/2022 dương lịch), tôi đóng hụi với bà T số tiền 78.000.000 đồng (lần 1 với số tiền 23.000.000 đồng + lần 2 với số tiền 55.000.000 đồng).

Tổng số tiền biêu tôi đã đóng cho bà Lê Thị Kim T là 330.000.000 đồng, tuy nhiên bà T đã lấy toàn bộ số tiền biêu trên của tôi để về sử dụng vào mục đích cá nhân. Tôi có hỏi nhiều lần nhưng bà T có thách thức và nói tôi muốn làm gì thì làm, kiện lên Toà thì bà cũng không sợ.

Qua nhiều lần hỏi nên vào ngày 05/9/2022 (nhằm ngày 10/8 âm lịch) bà T có viết lại một giấy mượn tiền biêu của tôi với số tiền 330.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi triệu đồng), bà hẹn mỗi tháng trả 10.000.000đ nhưng tôi không đồng ý.

Bà T cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả tiền cho tôi nên tôi khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Lê Thị Kim T trả toàn bộ số tiền nợ biêu là 330.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi triệu đồng) trên cho tôi.

Bị đơn trình bày:

Tôi có cầm cái biêu, trong quá trình chơi biêu có bà Nguyễn Thị H chơi biêu ngày 12 chân biêu, ngày 02 chân biêu. Tổng cộng số tiền biêu bà H chơi 217.000.000 đồng nhưng tôi ngưng chơi không sổ, vì con biêu không đóng đủ tiền nên tôi có nói với bà H là để tôi lấy tiền của con biêu rồi từ từ tôi góp trả dần cho bà H, tôi không vay mượn của bà H. Theo đơn của bà H kiện tôi nợ 330.000.000

đồng là không đúng, tôi chỉ nợ tiền biên 217.000.000 đồng. Tôi có sổ sách đầy đủ và đã cung cấp cho Tòa án. Còn hai tờ giấy ghi mượn tiền biên thì có một tờ giấy ghi mượn số tiền 330.000.000 đồng là do tôi tự ghi, tự ký. Còn một tờ giấy chỉ ghi chốt số tiền gồm có cả chữ và số “3T30T”, không có tên ai mượn không rõ số tiền gì, không biết tờ giấy đó ở đâu ra mà bà H cung cấp cho Tòa nên tôi không chấp nhận.

Ngày ghi chốt lại số tiền 330.000.000 là hôm đó tôi bị đau đầu, có về nằm ngủ, sau đó tôi có cầm sổ đến nhà cô VS, bà H cũng cầm sổ sách qua rồi tính toán, bảo tôi nợ số tiền này ép buộc tôi viết và ký vào giấy nợ biên, do lúc đó tôi không bình tĩnh và bị bà H gây sức ép nên có viết giấy và ký tên dưới mục người mượn biên. Tuy nhiên, sau khi về cộng lại sổ sách thì tôi chỉ nợ biên bà H tổng cộng 217.000.000 đồng chứ không phải số tiền 330.000.000 đồng như yêu cầu của bà H kiện ở Tòa án. Đối với số tiền nợ biên 217.000.000 đồng thì tôi có nguyện vọng mỗi tháng trả 5.000.000 đồng. Còn số tiền 113.00.000 đồng còn lại thì yêu cầu bà H phải ghi rõ ra như thế nào để tôi biết là tiền gì.

Người làm chứng bà Võ Thị Thúy V trình bày:

Tôi với bà Lê Thị Kim T và bà Nguyễn Thị H có mối quan hệ quen biết làm ăn với nhau. Tôi không biết vì sao bà T đưa tôi vào người làm chứng trong vụ án, tôi không biết bà T nợ bà H bao nhiêu tiền. Tôi không chứng kiến và cũng không biết sự việc bà H ép bà T ký giấy tờ nợ tiền như lời bà T. Hôm đó tôi đang làm tóc cho khách chỉ nghe bà H và bà T cãi nhau, sau đó hai bà đi về, còn việc khác tôi không biết. Do đó, tôi từ chối tham gia tố tụng.

Người làm chứng bà Đinh Thị Mộng T1 trình bày:

Hiện tại tôi được biết Tòa án đã thụ lý và giải quyết vụ án tranh chấp biênhui giữa bà H với bà T. Tôi với bà H có quen biết ở trong xã với nhau, tôi là em dâu của bà T. Tôi không biết vì sao bà T đưa tôi vào người làm chứng trong vụ án, tôi hoàn toàn không biết sự việc nợ biênhui giữa bà H với bà T. Tôi có qua nhà bà Võ Thị Thúy V để gọi đầu thì thấy bà H với bà T nói chuyện với nhau ghi giấy tờ gì đó. Tôi không chứng kiến sự việc bà H ép bà T ký giấy tờ nợ tiền gì như bà T trình bày. Tôi không có liên quan gì nên không có gì để làm chứng. Do đó, tôi từ chối tham gia tố tụng.

Tại bản án sơ thẩm số 33/2022/DS-ST ngày 24/11/2022 của Tòa án nhân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; Điều 220; 266; 271; 273; 278; 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự;
- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc “Tranh chấp biểu hụi”.

Buộc bà Lê Thị Kim T phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ biểu gốc là 330.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi triệu đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về lãi suất trong giai đoạn thi hành án, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/12/2022 Tòa án nhận được Quyết định kháng nghị số 1456/QĐ-VKS-DS ngày 22/12/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm hủy toàn bộ án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm vì cấp sơ thẩm đưa thiếu người tham gia tố tụng (không đưa những người cùng dây biểu với bà H và bà T vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan); chưa thu thập đầy đủ các chứng cứ; đánh giá chứng cứ không khách quan, toàn diện.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích pháp cho bị đơn cho rằng: Cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, đánh giá chứng cứ không khách quan, chưa làm rõ sự mâu thuẫn giữa số tiền bà H khởi kiện đối với số tiền bà T nhận góp biểu của bà H, chưa đưa những người cùng các dây biểu với bà T, bà H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để làm rõ số tiền góp biểu của từng người, tổng số tiền biểu của từng dây biểu, thể thức góp biểu cũng như việc thỏa thuận về việc sổ biểu, điều này làm ảnh hưởng quyền lợi của bị đơn. Do vậy, đề nghị HĐXX hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 33/2022/DS-ST ngày 24/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk và giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk giữ nguyên Quyết định kháng nghị số 1456/QĐ-VKS-DS ngày 22/12/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk và phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử

căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự để hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 33/2022/DS-ST ngày 24/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên.

[1] Về tố tụng: Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk làm trong hạn luật định nên vụ án được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk về nội dung cấp sơ thẩm đưa thiếu người tham gia tố tụng, là không có căn cứ, bởi lẽ: Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/09/2022 nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán 330.000.000đ, kèm theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn cũng nộp các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình gồm 02 tờ giấy chốt tiền nợ biên, không ghi ngày tháng năm. Tờ giấy chốt nợ 330.000.000 đồng có chữ ký và họ tên Lê Thị Kim T và 01 tờ giấy chỉ ghi số và ở hàng sau cùng ghi “3T30T”. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận việc bị đơn còn nợ nguyên đơn tiền biên hui, mặc dù còn có sự mâu thuẫn về số tiền biên bị đơn còn nợ nguyên đơn. Đồng thời, bị đơn cũng thừa nhận việc mình ngưng không sổ biên cho nguyên đơn như đã thỏa thuận vì các con biên khác trong dây biên không giao nộp phần biên của mình. Do đó, nguyên đơn có quyền khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ của chủ biên, họ theo quy định của pháp luật.

Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ thì chủ biên (tức bị đơn) phải nộp thay phần biên của các thành viên khác trong dây biên nếu đến kỳ mở biên mà có thành viên không góp phần biên, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Trong trường hợp này thì chủ biên được quyền khởi kiện con biên không góp phần biên để yêu cầu thanh toán lại phần biên do chủ biên đã góp thay cho thành viên đó theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án thì cả nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với yêu cầu buộc các thành viên khác của dây biên thực hiện nghĩa vụ của thành viên quy định tại Điều 16 của Nghị định 19. Do đó, các thành

viên trong dây biếu giữa nguyên đơn và bị đơn không phải là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2.2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đối với nội dung: Cấp sơ thẩm xác định Giấy nhận nợ 330.000.000đ của bị đơn là chứng cứ để giải quyết vụ án là chưa đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đồng thời cấp sơ thẩm chưa công khai chứng cứ đối với 03 giấy chơi họ do nguyên đơn cung cấp và 15 giấy chơi họ do bị đơn cung cấp là vi phạm nghiêm trọng tố tụng. HĐXX phúc thẩm xét thấy: Tại biên bản công khai chứng cứ ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông đã công khai 03 giấy chơi họ do nguyên đơn cung cấp và 15 giấy chơi họ do bị đơn cung cấp. Tại phiên họp công khai chứng cứ thì cả bị đơn và nguyên đơn đều có mặt, các tài liệu chứng cứ là bản phô tô đã được cấp sơ thẩm đối chiếu với bản gốc, các đương sự đều không có ý kiến gì tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ của Tòa án (bút lục 47, 48).

Xét giấy xác nhận nợ biếu số tiền 330.000.000đ của bị đơn, HĐXX thấy rằng: Tại giấy xác nhận nợ biếu 330.000.000đ nêu trên có nội dung “*Tôi có mượn tiền Biếu bà H số tiền 330 triệu, ba trăm ba mươi triệu, tôi góp 1 tháng 10 triệu* (bút lục 62). Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có thừa nhận còn nợ tiền biếu của nguyên đơn với tổng số tiền 217.000.000đ, đồng thời thừa nhận có viết và ký giấy nhận nợ biếu nêu trên. Nhưng bị đơn cho rằng việc bà ký và viết giấy nợ biếu nêu trên trong tình trạng không minh mẫn, sáng suốt và bị nguyên đơn ép buộc, đồng thời bị đơn yêu cầu Tòa án triệu tập bà Đinh Thị Mộng T1 và bà Võ Thị Thúy V để chứng minh cho việc bị ép buộc viết giấy nhận nợ (bút lục 51). Tuy nhiên, hai nhân chứng này đều cho rằng không chứng kiến và hay biết gì về việc thỏa thuận biếu giữa nguyên đơn và bị đơn (bút lục 52, 53). Mặt khác, ngoài lời trình bày trên thì bị đơn cũng không đưa ra được các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Như vậy, việc nguyên đơn và bị đơn chốt nợ biếu theo giấy xác nhận nợ biếu số tiền 330.000.000đ nêu trên là có thật, cấp sơ thẩm căn cứ vào giấy xác nhận nợ biếu này để chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Do đó, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk về nội dung này là không có căn cứ để chấp nhận.

[2.3] Về lãi suất trong giai đoạn thi hành án: Trong giấy chốt nợ biếu giữa nguyên đơn và bị đơn (bút lục 62) không thể hiện lãi suất. Do đó, lãi suất trong giai đoạn thi hành án được tính từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Nhưng cấp sơ thẩm lại xác định thời điểm tính

lãi suất kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là chưa chính xác, và cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[3] Từ những phân tích và nhận định trên HĐXX phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, cần giữ nguyên án sơ thẩm là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận quyết định kháng nghị số 1456/QĐ-VKS-DS ngày 22/12/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 33/2022/DS-ST ngày 24/11/2022 của Tòa án nhân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; Điều 220; 266; 271; 273; 278; 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Lê Thị Kim T phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ biên gốc là 330.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Bông;
- CCTHADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Ngọc Sâm